

Kính gửi: Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.

Tổng cục thuế nhận được công văn của Cục thuế một số tỉnh, thành phố hỏi về các trường hợp ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các cơ sở kinh doanh có dự án sản xuất, kinh doanh hàng hóa có mức xuất khẩu đạt giá trị trên 50% tổng giá trị hàng hóa sản xuất, kinh doanh của dự án trong năm tài chính. Về vấn đề này, Tổng cục thuế có ý kiến như sau:

1. Tại Điều 39 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN quy định: “Cơ sở kinh doanh hàng xuất khẩu quy định tại mục III Danh mục A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, ngoài việc được miễn thuế, giảm thuế TNDN theo quy định tại Điều 36, Điều 37, Điều 38 của Nghị định này còn được hưởng ưu đãi thêm về thuế TNDN”.

Căn cứ quy định nêu trên thì các cơ sở kinh doanh hàng xuất khẩu quy định tại mục III Danh mục A ban hành kèm theo Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ đang được miễn thuế, giảm thuế TNDN theo quy định tại Điều 36, Điều 37, Điều 38 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP nếu thỏa mãn điều kiện xuất khẩu thì được ưu đãi thêm về thuế TNDN theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP nêu trên.

Trường hợp các cơ sở kinh doanh đã hết thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN theo quy định tại Điều 36, Điều 37, Điều 38 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP nay đáp ứng thêm điều kiện xuất khẩu thì không áp dụng ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP nêu trên.

2. Tại điểm 4.2 Mục III Phần E Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính về thuế TNDN có hướng dẫn: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Mục III, Danh mục A còn được ưu đãi thêm về thuế TNDN như sau: “Được giảm 50% số thuế phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu trong năm tài chính đối với nhà đầu tư có doanh thu xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước”.

Việc xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm theo quy định tại điểm 4.2 Mục III Phần E Thông tư số 128/2003/TT-BTC như sau:

a) Trường hợp cơ sở kinh doanh hạch toán riêng được thu nhập chịu thuế của hoạt động xuất khẩu:

Thu nhập tăng thêm được xác định bằng (=) Thu nhập xuất khẩu năm xác định miễn, giảm thuế – Thu nhập xuất khẩu năm trước.

Số thuế TNDN được ưu đãi theo điều kiện XK năm sau cao hơn năm trước bằng (=) Thu nhập tăng thêm x thuế suất thuế TNDN x 50%.

Ví dụ: Doanh nghiệp A là cơ sở mới thành lập, có dự án sản xuất kinh doanh hàng hóa xuất khẩu. Doanh nghiệp A có tổng doanh thu năm 2004 là 50 tỷ đồng, năm 2005 là 70 tỷ đồng; có doanh thu xuất khẩu năm 2004 là 40 tỷ đồng, năm 2005 là 60 tỷ đồng; có thu nhập chịu thuế năm 2004 là 12 tỷ đồng, năm 2005 là 15 tỷ đồng; có thu nhập chịu thuế của hoạt động xuất khẩu năm 2004 là 8 tỷ đồng, năm 2005 là 10 tỷ đồng. Năm 2005 là năm doanh nghiệp được giảm 50% thuế TNDN và DN đang áp dụng thuế suất thuế TNDN 20%. Việc xác định ưu đãi thuế TNDN năm 2005 của DN A cụ thể sẽ là:

1) Số thuế TNDN được ưu đãi theo ngành nghề ưu đãi đầu tư:

- Thuế TNDN phải nộp năm 2005 = 15 tỷ đồng x 20% = 3 tỷ đồng.

- Thuế TNDN được giảm (50%) theo điều kiện ngành nghề ưu đãi đầu tư
= 3 tỷ đồng x 50% = 1,5 tỷ đồng.

2) Số thuế TNDN được ưu đãi theo điều kiện xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước (năm 2005 so với năm 2004):

- Thu nhập tăng thêm do xuất khẩu năm sau so với năm trước
= 10 tỷ đồng – 8 tỷ đồng = 2 tỷ đồng.

- Số thuế TNDN được giảm do XK năm sau so với năm trước
= 2 tỷ đồng x 20% x 50% = 200 triệu đồng

3) Số thuế TNDN còn phải nộp năm 2005

= 3 tỷ đồng – 1,5 tỷ đồng – 200 triệu đồng = 1,3 tỷ đồng.

b) Trường hợp cơ sở kinh doanh không hạch toán riêng được thu nhập chịu thuế của hoạt động xuất khẩu thì

Thu nhập tăng thêm được xác định bằng (=)

$$\left(\text{TN chịu thuế năm xác định miễn, giảm thuế} \times \frac{\text{DTXK năm xác định miễn giảm thuế}}{\text{Tổng DT năm xác định miễn giảm thuế}} \right) - \left(\text{TN chịu thuế năm trước} \times \frac{\text{DTXK năm trước}}{\text{Tổng DT năm trước}} \right)$$

Số thuế TNDN được ưu đãi theo điều kiện XK năm sau cao hơn năm trước bằng (=) Thu nhập tăng thêm x thuế suất thuế TNDN x 50%

Ví dụ: Doanh nghiệp A là cơ sở mới thành lập, có dự án sản xuất kinh doanh hàng hóa xuất khẩu. Doanh nghiệp A có tổng doanh thu năm 2004 là 50 tỷ đồng, năm 2005 là 70 tỷ đồng; có doanh thu xuất khẩu năm 2004 là 40 tỷ đồng, năm 2005 là 60 tỷ đồng; có thu nhập chịu thuế năm 2004 là 12 tỷ đồng, năm 2005 là 15 tỷ đồng. Năm 2005 là năm doanh nghiệp được giảm 50% thuế TNDN và DN đang áp dụng thuế suất thuế TNDN 20%. Việc xác định ưu đãi thuế TNDN năm 2005 của DN A cụ thể sẽ là:

1) Số thuế TNDN được ưu đãi theo ngành nghề ưu đãi đầu tư:

- Thuế TNDN phải nộp năm 2005 = 15 tỷ đồng x 20% = 3 tỷ đồng.

- Thuế TNDN được giảm (50%) theo điều kiện ngành nghề ưu đãi đầu tư
= 3 tỷ đồng x 50% = 1,5 tỷ đồng.

2) Số thuế TNDN được ưu đãi theo điều kiện xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước (năm 2005 so với năm 2004):

- Thu nhập tăng thêm do xuất khẩu năm sau so với năm trước

= (15 tỷ x 60 tỷ / 70 tỷ) - (12 tỷ x 40 tỷ / 50 tỷ)

= 12,8 tỷ đồng - 9,6 tỷ đồng = 3,2 tỷ đồng

- Số thuế TNDN được giảm do XK năm sau so với năm trước

= 3,2 tỷ đồng x 20% x 50% = 320 triệu đồng

3) Số thuế TNDN còn phải nộp năm 2005

= 3 tỷ đồng - 1,5 tỷ đồng - 320 triệu đồng = 1.180.000.000 đồng.

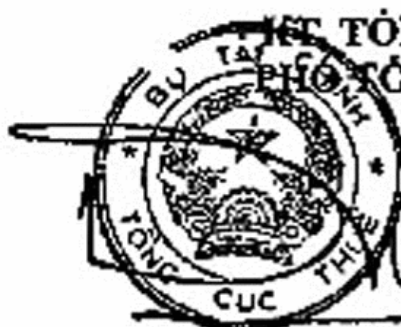
(một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng)

3. Về việc giảm thêm 20% số thuế TNDN phải nộp từ doanh thu xuất khẩu mang lại đối với cơ sở kinh doanh có mức xuất khẩu đạt giá trị trên 50% tổng giá trị hàng hóa sản xuất, kinh doanh của dự án trong năm tài chính (theo điểm 4.3 Mục III Phần E Thông tư 128/2003/TT-BTC) thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 1706/TCT-PCCS ngày 15/5/2006 của Tổng cục thuế.

Tổng cục thuế trả lời để các Cục thuế biết và thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Pháp chế; Vụ Chính sách;
- Lưu VT; PCCS(2b)



CHIEU TÔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TÔNG CỤC TRƯỞNG

Phạm Duy Khương